

Số 2689 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án thành phần số 1: Nâng cấp, cải tạo gia cố bờ kênh Kim Sơn từ cống
Báo Đáp đến cống Kênh Cầu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 tại Văn bản số 1450/BAN1-TĐC ngày 27 tháng 8 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 884/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần số 1: Nâng cấp, cải tạo, gia cố bờ kênh Kim Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại các tỉnh, thành phố: Hưng Yên, Hà Nội với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký *hư*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và MT tỉnh: Hưng Yên, Hà Nội;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC (cơ sở 1 - để trả kết quả);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải công khai);
- Lưu: VT, KT2^{Tr} *u*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam
Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án thành phần số 1: Nâng cấp, cải tạo, gia cố bờ kênh Kim
Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu

(Kèm theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Dự án thành phần số 1: Nâng cấp, cải tạo, gia cố bờ kênh Kim Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1, địa chỉ trụ sở chính: Km số 9, Đại lộ Thăng Long, xã An Khánh, TP Hà Nội.
- Dự án đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1479/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 4 năm 2026 và Quyết định số 2798/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 7 năm 2026.

1.2. Quy mô, công suất:

- Nâng cấp, cải tạo, gia cố bờ kênh Kim Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu có chiều dài khoảng 10,6 km.
 - + Đoạn kênh Kim Sơn hiện trạng: Từ đáy kênh hiện khoảng cao trình -1,25 m đến cao trình +4,10 m kè gia cố thẳng đứng (cọc bê tông dự ứng lực) tạo mặt cắt hình hộp chữ nhật với bề rộng đáy kênh tối thiểu 45,0 m, kết hợp lát mái nghiêng bằng tấm bê tông; và đường quản lý 2 bên bờ kênh;
 - + Đoạn kênh Kim Sơn đã kè mái: Từ cao trình kè hiện trạng +3,50 m bố trí tường chắn bảo đảm cao trình +4,10 m và đường quản lý 2 bên bờ kênh.
 - + Xây dựng đường dạo kết hợp đường quản lý hai bên bờ kênh, bề rộng mặt đường B = 2,50 m.
- Xây dựng mới 02 cầu giao thông trên đường quản lý bờ phải qua các kênh nhánh, chiều rộng mặt cầu bằng chiều rộng mặt đường dạo.
- Cải tạo, nâng cấp 94 công trình cống tiêu dọc tuyến (51 cống bên bờ trái và 43 cống bên bờ phải).

1.3. Phạm vi của Dự án

Dự án được thực hiện tại 5 xã thuộc 02 tỉnh, thành phố gồm: Xã Gia Lâm (TP. Hà Nội) và các xã Phụng Công, Nghĩa Trụ, Như Quỳnh và Hoàn Long (tỉnh Hưng Yên).

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

Nâng cấp, cải tạo, gia cố bờ kênh Kim Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu với các hạng mục: Nâng cấp, cải tạo, gia cố bờ kênh Kim Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu với chiều dài khoảng 10,6 km; xây dựng mới 02 cầu trên đường quản lý; nâng cấp, cải tạo 94 cống tiêu nước 2 bên bờ kênh; xây dựng đường quản lý vận hành 2 bên bờ kênh với bề rộng mặt đường B = 2,5 m.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư

a) Hoạt động của Dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chuẩn bị mặt bằng, phát quang, bóc lớp đất phong hóa, tháo dỡ các công trình hiện trạng trong phạm vi GPMB và bố trí khu phụ trợ thi công.
- Tập trung máy móc, thiết bị và công nhân; tổ chức sinh hoạt của công nhân; thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải phát sinh.
- Vận chuyển, tập kết đất, cát, đá, cừ bê tông, xi măng, sắt thép và các vật liệu khác; vận chuyển đất đào, vật liệu dư thừa đến vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- Thi công đào móng, hạ cọc BTCT bằng búa rung kết hợp xói nước đầu cọc; thi công kè, tường chắn, đường quản lý, cầu và cống tiêu; bố trí 08 khu phụ trợ thi công.
- Hoàn trả mặt bằng, thanh thải lòng kênh, tháo dỡ công trình tạm và phục hồi cảnh quan sau khi hoàn thành từng phân đoạn thi công.

b) Hoạt động của Dự án trong giai đoạn vận hành:

Quản lý, vận hành tuyến kênh và các công trình kè, cầu, cống; duy tu, bảo dưỡng định kỳ; kiểm tra ổn định bờ kênh, đường quản lý và công trình phụ trợ; thu gom, phân loại và chuyển giao chất thải phát sinh từ hoạt động quản lý, duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

1.3.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.
- Trạm trộn bê tông xi măng.
- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Yếu tố nhạy cảm về môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường do có 316 hộ tái định cư tại chỗ và 122 hộ phải tái định cư.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, gia cố mái và bờ kênh, thi công cọc, kết cấu bê tông, vận chuyển vật liệu, bố trí bãi tập kết và khu phụ trợ thi công là các hoạt động có khả năng gây tác động xấu đến môi trường. Các tác động chủ yếu gồm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải thi công và sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại; làm gia tăng độ đục, TSS trong nước kênh, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước, ổn định lòng, bờ kênh, giao thông, hạ

tầng kỹ thuật, đời sống dân cư dọc tuyến và phát sinh các sự cố môi trường như sạt lở, tràn dầu, rò rỉ dầu mỡ, tai nạn lao động, giao thông.

- Hoạt động thu hồi đất, tái định cư để thực hiện Dự án có khả năng ảnh hưởng đến đời sống, thu nhập, việc làm, hoạt động sản xuất và sinh kế của các tổ chức, cá nhân.

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phát quang thảm thực vật phát sinh bụi, chất thải rắn.

- Hoạt động bố trí công trường thi công; vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu, phế thải; đào đắp gia cố mái và bờ kênh; Thi công đóng cọc, gia cố mái kênh, đường quản lý, cầu, cống phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải thi công, chất thải rắn, chất thải nguy hại; làm gia tăng độ đục, TSS trong nước kênh, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước, ổn định lòng, bờ kênh, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, đời sống dân cư dọc tuyến và phát sinh các sự cố môi trường như sạt lở, rò rỉ dầu mỡ, tai nạn lao động, giao thông.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân trên công trường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

- Nguy cơ các sự cố có thể xảy ra như tai nạn, cháy, nổ, rò rỉ và tràn dầu, rơi vỡ vật liệu và thiết bị xuống kênh, trượt lở bờ kênh, phát hiện khảo cổ hoặc di tích lịch sử, lũ và ngập lụt, mất an toàn điện, đứt cáp quang, đường ống cấp nước.

2.2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng tuyến kênh, cầu, cống và hoạt động của phương tiện phục vụ quản lý phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Nguy cơ sự cố có thể xảy ra như sạt lở cục bộ, vỡ bờ kênh hoặc ô nhiễm nguồn nước.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 6,0 m³/ngày/khu phụ trợ thi công (tổng cộng có 8 khu phụ trợ thi công). Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, COD, TSS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms.

- Nước thải xây dựng: Hoạt động vệ sinh dụng cụ, rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 42 m³/ngày đêm (bao gồm khoảng 24 m³/ngày đêm từ xịt rửa thiết bị; 14 m³/ngày đêm từ công tác bê tông/vệ sinh cốp pha và 4 m³/ngày đêm từ làm mát động cơ). Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh khi có mưa chảy qua bề mặt công trường, khu vực đào đắp bờ kênh, 08 khu phụ trợ thi công, các bãi san lấp/đổ thải và các

bãi tập kết vật liệu xây dựng. Khối lượng nước mưa chảy tràn biến động lớn phụ thuộc vào diện tích mặt bằng thi công và cường độ mưa theo mùa. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, độ đục, COD, dầu mỡ.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi từ hoạt động đào đắp, san gạt: Phát sinh từ các hoạt động phá dỡ cấu kiện cũ, phát quang, bóc lớp đất phong hóa, đào hố móng bờ kè/cống tiêu và đắp đất nền đường quản lý vận hành. Khối lượng phát sinh phụ thuộc vào khối lượng thi công đào đắp trên toàn tuyến (với tổng khối lượng bóc phong hóa khoảng 38.481 m³ và đất đào móng khoảng 59.428 m³). Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSP.

- Bụi và khí thải do vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh từ quá trình đốt cháy nhiên liệu diesel của các phương tiện xe tải (tải trọng 5–10 tấn) lưu thông vận chuyển đất, cát, đá, cừ bê tông, xi măng và sắt thép trên các tuyến đường giao thông hiện hữu và đường công vụ. Khối lượng phát sinh phụ thuộc vào số lượt xe vận chuyển và cự ly di chuyển. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi/TSP, CO, SO₂, NO_x, VOC.

- Bụi và khí thải từ thiết bị, máy móc thi công: Phát sinh từ hoạt động của máy đào, máy ủi, lu đầm, máy phát điện dự phòng, máy nén khí, cầu bánh xích, tàu kéo xà lan và các thiết bị cơ giới hoạt động trực tiếp trên công trường. Khối lượng phát sinh tính theo lượng dầu diesel tiêu thụ của các máy móc. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi/TSP, CO, SO₂, NO_x.

- Bụi từ hoạt động trộn bê tông: Phát sinh từ quá trình vận hành trạm/máy trộn bê tông di động (dung tích 250–500L) và công tác bốc xúc, trút xi măng, cát, đá tại các mũi thi công. Khối lượng phát sinh rải đều theo tiến độ đổ bê tông mũ kè, đầm và tấm lát mái. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi xi măng, TSP.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Hoạt động sinh hoạt, ăn uống và tiêu dùng hàng ngày của cán bộ, công nhân làm việc tại công trường phát sinh khoảng 50,0 kg/ng.đ/khu phụ trợ thi công (cho 100 công nhân), tổng khối lượng phát sinh tại cả 08 khu phụ trợ đạt khoảng 400,0 kg/ng.đ. Thành phần chủ yếu: nhóm hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, vỏ rau củ quả, chiếm 70-75%) và nhóm vô cơ/khó phân hủy (bao bì nhựa, vỏ hộp, chai lọ, nylon, hộp xốp, chiếm 25-30%).

b) Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải từ thi công xây dựng: Phát sinh do hao hụt, rơi vãi các loại vật liệu như cừ, tràm, gạch, đá, cát, sỏi, sắt, thép, bao bì, phế liệu gỗ. Tổng khối lượng phát sinh ước tính khoảng 5.000 tấn. Thành phần chủ yếu: vật liệu xây dựng dư thừa, phế liệu không chứa thành phần nguy hại.

- Chất thải từ phá dỡ cấu kiện cũ: Phát sinh từ việc phá dỡ các cấu kiện cống cũ, công trình phụ trợ hiện trạng dọc theo bờ kênh với tổng khối lượng khoảng 519,6 m³. Thành phần chủ yếu: bê tông vỡ, gạch đá và được tận dụng để gia cố đường thi công.

- Chất thải từ giải phóng mặt bằng: Phát sinh từ hoạt động tháo dỡ khoảng

26.771 m² diện tích sàn nhà ở (nhà tạm, nhà cấp 4, nhà 1-3 tầng) và phát quang thảm thực vật. Khối lượng phế thải xây dựng từ phá dỡ khoảng 22.000 tấn, sinh khối phát quang ước tính khoảng 700 tấn. Thành phần chủ yếu: bê tông, gạch, vữa, gỗ, kim loại, nhựa, kính và sinh khối thực vật phát quang.

- Đất đào hồ móng và bóc phong hóa: Phát sinh từ hoạt động làm sạch mặt bằng và thi công hồ móng kè, cống tiêu. Khối lượng bóc phong hóa khoảng 38.481 m³ và khối lượng đất đào móng khoảng 59.428 m³. Thành phần chủ yếu: đất tự nhiên không chứa thành phần nguy hại hay kim loại nặng vượt ngưỡng, chủ yếu được tận dụng để đắp nền công trình chính và công trình phụ trợ.

- Đất bóc tầng phủ đất lúa: Khối lượng bóc tách ước tính khoảng 113,5 m³. Thành phần chủ yếu: Đất tơi xốp giàu dinh dưỡng, có giá trị đối với sản xuất nông nghiệp, được lưu giữ và tái sử dụng phù hợp.

c) Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành máy móc thiết bị thi công, phương tiện vận tải và sinh hoạt của lán trại phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng trung bình khoảng 202 kg/tháng/khu phụ trợ thi công (*trong đó có khoảng 102 kg/tháng/khu phụ trợ thi công đối với chất thải nguy hại dạng rắn/bùn và khoảng 100 kg/tháng/khu phụ trợ thi công đối với dầu động cơ thải dạng lỏng*). Thành phần chủ yếu: dầu động cơ/dầu bôi trơn thải, giẻ lau dính dầu, bao bì kim loại/nhựa dính hóa chất, ốc quy chì thải, pin, bóng đèn huỳnh quang thải, bùn cặn từ bể tách dầu.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công trực tiếp trên công trường (búa rung đóng cừ SW500A, máy đầm bê tông, máy trộn bê tông di động, máy phát điện dự phòng, máy nén khí, máy cắt cọc, máy khoan cọc nhồi, máy bơm nước áp lực, máy ủi, máy đào gầu nghịch, đầm lu, cầu bánh xích/bánh lốp) và các phương tiện vận tải (tàu kéo xà lan 200T, ô tô tải/ô tô tự đổ 5–10T) phát sinh tiếng ồn và độ rung.

- Mức ồn tại nguồn (khoảng cách 1,5m) của các thiết bị đơn lẻ dao động trong khoảng từ 78 dBA đến 100 dBA (lớn nhất là búa rung đạt 100 dBA). Độ rung tại nguồn (khoảng cách 1,5m) của các thiết bị đơn lẻ dao động từ 60 dB đến 85 dB (búa rung có độ rung nguồn cao nhất là 85 dB).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

3.1.4.1. Tác động do giải phóng mặt bằng, chiếm dụng đất và di dân tái định cư

Dự án yêu cầu thu hồi vĩnh viễn khoảng 831.984 m² đất (gồm 44.245 m² đất nông nghiệp và 787.742 m² đất phi nông nghiệp). Tổng cộng có 472 hộ gia đình bị ảnh hưởng về đất ở/đất vườn (316 hộ tái định cư tại chỗ và 122 hộ phải di dời chỗ ở), cùng 98 hộ bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp/thủy sản.

3.1.4.2. Tác động đến lòng, bờ, bãi kênh và ổn định công trình

- Bồi lắng lòng kênh: Hoạt động đào móng kè/cống tiêu, bóc đất phong hóa,

xói nước áp lực cao để hạ cù SW500A kết hợp với nước mưa chảy tràn cuốn trôi đất cát làm phát sinh lượng lớn bùn cặn lơ lửng. Trong điều kiện vận tốc dòng chảy mùa kiệt rất thấp ($< 0,13 - 0,15$ m/s), bùn cặn nhanh chóng lắng đọng gây bồi lắng cục bộ lòng kênh khu vực hạ lưu sát công trường.

- Xói lở và mất ổn định bờ kênh: Quá trình đào hố móng bóc mất lớp phủ bề mặt làm giảm liên kết cơ học của đất bờ; hoạt động hạ cù bằng xói nước áp lực cao, sóng do xà lan 200T di chuyển/neo đậu và việc tập kết máy móc thiết bị tải trọng nặng sát mái kênh có nguy cơ gây xói lở cục bộ, sạt trượt mái bờ và gây mất ổn định bờ kênh trong quá trình thi công.

3.1.4.3. Tác động đến đa dạng sinh học và thảm thực vật

- Hoạt động phát quang, bóc tầng phủ trên diện tích GPMB (39.082 m² đất nông nghiệp và 743 m² đất nuôi trồng thủy sản) đã làm mất thảm thực vật cây hàng năm, cây ăn quả lâu năm và cây bụi tự nhiên ven bờ; làm mất sinh cảnh ao nuôi thủy sản của 14 hộ dân; tiếng ồn và rung chấn làm xua đuổi tạm thời các loài chim nước, bò sát, lưỡng cư và động vật nhỏ.

- Hoạt động thi công bờ kênh, cống tiêu, cầu trên đường quản lý có nguy cơ xuất hiện tình trạng xói lở cục bộ do dâng nước, thay đổi vận tốc dòng chảy; ảnh hưởng đến hệ sinh thái dưới nước, chất lượng nước mặt vị trí thi công cừ, cống.

3.1.4.4. Tác động đến hoạt động tưới, tiêu, vận hành CTTL và chất lượng nước kênh

- Tác động đến cấp nước tưới: Việc khống chế mực nước thi công mùa khô (hạ lưu cống Báo Đáp ở +1,55m và thượng lưu cống Kênh Cầu ở +1,45m) đòi hỏi phải điều chỉnh quy trình vận hành các cống Báo Đáp, Kênh Cầu, Lạc Cầu, Đồng Than. Nếu nguồn nước sông Hồng hạ thấp không đủ lấy tự chảy qua cống Xuân Quan, phải vận hành trạm bơm dã chiến Xuân Quan để bảo đảm cấp nước.

- Tác động đến tiêu thoát nước: Vào mùa mưa, mực nước trên kênh Kim Sơn thường dâng cao do lượng mưa lớn và dòng chảy lũ nội đồng dồn về. Việc tập trung nhiều xà lan thi công, ảnh hưởng đến lưu thông dòng chảy và gia tăng nguy cơ ngập úng cục bộ khi xảy ra mưa lũ bất thường. Việc lắp khung vây bằng cừ để thi công cống tiêu và cầu giao thông trên đường quản lý sẽ gây thu hẹp cục bộ dòng chảy.

- Tác động đến vận hành công trình thủy lợi và chất lượng nước kênh: Việc áp đặt mực nước thi công cố định đòi hỏi Công ty Khai thác CTTL Bắc Hưng Hải phải điều chỉnh linh hoạt quy trình vận hành các cống Báo Đáp, Kênh Cầu, Lạc Cầu, Đồng Than. Đồng thời, bùn đất từ hoạt động xói cù, đào móng kết hợp nước thải thi công và nước mưa chảy tràn xả xuống kênh làm gia tăng chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục và dầu mỡ, làm suy giảm tạm thời chất lượng nước mặt kênh Kim Sơn.

3.1.4.5. Tác động đến giao thông đường bộ, đường thủy và hạ tầng kỹ thuật

- Tác động đến giao thông đường bộ: Hoạt động vận chuyển đất, đá, cù bê tông và vật liệu xây dựng làm gia tăng đáng kể mật độ xe tải trọng lớn (5–10 tấn) trên các tuyến đường bê tông dân sinh hẹp (3–6m) ven kênh. Việc này tiềm ẩn nguy cơ gây hư hỏng, xuống cấp mặt đường, phát sinh bụi, rơi vãi bùn đất, đồng thời gây ùn tắc và mất an toàn giao thông, đặc biệt tại các điểm giao cắt, khu dân

cư đông đúc và khu vực gần 7 trường học dọc tuyến.

- Tác động đến giao thông đường thủy: Mặc dù trên đoạn kênh Kim Sơn từ cống Báo Đáp đến cống Kênh Cầu hiện không có phương tiện giao thông thủy của người dân hoạt động, việc di chuyển, neo đậu của 22 xà lan thi công (200 tấn) và tàu kéo vẫn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Vào ban đêm hoặc khi thời tiết xấu (sương mù, mưa lớn), nếu phương tiện thi công không trang bị đầy đủ đèn tín hiệu và phao cảnh báo sẽ dễ dẫn đến nguy cơ va chạm giữa các xà lan hoặc va chạm vào công trình kè, cống hiện hữu.

- Tác động đến hạ tầng kỹ thuật: Hoạt động đào móng, hạ cù và vận chuyển vật liệu có nguy cơ ảnh hưởng đến độ ổn định của các công trình hạ tầng kỹ thuật dọc hai bờ kênh. Đặc biệt, việc sử dụng các thiết bị nâng hạ có chiều cao lớn (cẩu, máy đóng cọc) tiềm ẩn rủi ro vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện tại 17 vị trí đường dây cao thế (22kV – 500kV) giao cắt qua kênh hoặc làm đứt gãy các tuyến cáp quang, đường ống cấp nước ngầm trong phạm vi thi công.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải;

Không phát sinh nước thải.

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng các tuyến đê, cống và hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO, NO_x, SO₂.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

Không phát sinh chất thải sinh hoạt.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải rắn thông thường

Phát sinh từ công tác vớt rác bèo, khơi thông dòng chảy định kỳ tại các cống tiêu, cửa lấy nước và quá trình duy tu, sửa chữa nhỏ hạ tầng kè/đường quản lý.

c. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị cơ khí, tra dầu mỡ cho hệ thống đóng mở cống tiêu và vận hành phương tiện kiểm tra tuyến kênh. Khối lượng phát sinh rất nhỏ và không thường xuyên.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Hoạt động lưu thông của phương tiện giao thông trên các tuyến đê phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Rủi ro do vận hành, duy tu các công trình có khả năng ảnh hưởng đến tiêu thoát nước, ổn định bờ kênh và nguy cơ ngập úng cục bộ nếu không duy trì đầy đủ mặt cắt và hệ thống thoát nước.

- Rủi ro bồi lắng, xói lở cục bộ lòng và bờ kênh; rò rỉ dầu mỡ từ thiết bị bảo dưỡng với quy mô nhỏ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tại 08 khu phụ trợ thi công, bố trí 03 nhà vệ sinh di động loại 2 buồng, 2 bồn cầu, dung tích bể chứa từ 1,5 m³/nhà vệ sinh, tổng cộng 24 nhà vệ sinh.

- Mỗi khu phụ trợ thi công bố trí 01 bể chứa nước thải tắm giặt có dung tích 5,0 m³; tổng 08 khu phụ trợ bố trí 08 bể.

- Tại 22 xà lan: Bố trí 22 nhà vệ sinh di động 1 buồng có dung tích bể chứa nước thải 0,5 m³ trên 01 xà lan; mỗi xà lan 01 nhà vệ sinh.

Quy trình xử lý:

- Nước thải nhà vệ sinh di động → Đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

- Nước thải tắm giặt → song chắn rác/hồ thu → bể chứa → Đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý

Tại 08 khu phụ trợ thi công, mỗi khu bố trí 01 công trình lắng lọc có kích thước L×B×H = 3,0×1,5×1,5 m, cấu tạo 03 ngăn để thu gom và xử lý nước thải xây dựng phát sinh tại khu vực thi công. Kết cấu bể bằng nhựa để thuận tiện lắp đặt và tháo dỡ. Công trình được trang bị bộ phận chắn rác, tách dầu để thu gom dầu nổi và thực hiện lắng cặn. Nước sau lắng và tách dầu được ưu tiên tái sử dụng trong công trường, không xả trực tiếp ra môi trường; cặn và dầu tách được thu gom, quản lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → Bể lắng 03 ngăn → Tách dầu, lắng cặn → Nước sau khi được tách dầu, lắng cặn tái sử dụng vệ sinh phương tiện vận chuyển, làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển.

Đối với nước phát sinh từ hoạt động đổ, trộn bê tông, vệ sinh cốp pha, ván khuôn và khoan, phụt vữa, thực hiện thu gom tại chỗ bằng hồ thu hoặc bể lắng tạm có khả năng di chuyển theo mũi thi công. Cặn xi măng, vữa và bùn lắng được thu gom định kỳ; nước sau lắng được ưu tiên tái sử dụng trong thi công. Bể bằng nhựa có dung tích 1,5 – 2,0 m³. Mỗi mũi thi công bố trí 1 bể, tổng cộng có 14 bể cho 14 mũi thi công. Nước trong bể sau khi lắng được sử dụng để tưới ẩm công trường thi công.

Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động đổ, trộn bê tông, vệ sinh cốp pha → Bể lắng → Lắng cặn → Nước sau khi được lắng cặn dùng tưới ẩm công trường thi công.

b) Giai đoạn vận hành

Không phát sinh nước thải sản xuất trong giai đoạn vận hành. Nước thải sinh hoạt tại cơ sở quản lý hiện hữu được thu gom, xử lý theo hệ thống hiện có; khi duy tu, sửa chữa tập trung nhân lực phải bố trí nhà vệ sinh và phương án thu

gom, xử lý phù hợp, không xả nước thải trực tiếp xuống kênh Kim Sơn.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải từ thi công xây dựng, vệ sinh phương tiện vận chuyển và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý, tái sử dụng cho các hoạt động thi công xây dựng, vệ sinh phương tiện vận chuyển.

- Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, chất thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước tưới ẩm thường xuyên vào những ngày không mưa với tần suất 02 lần/ngày; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống vệ sinh phương tiện vận chuyển tại mỗi công trường thi công; lắp dựng hàng rào tôn xung quanh vị trí thi công gần các khu dân cư và các công trình nhạy cảm dọc tuyến thi công, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn vận hành

Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, máy móc phục vụ quản lý, kiểm tra, tuần tra và duy tu; ưu tiên thiết bị hoạt động ổn định, ít phát thải; tuyệt đối không đốt rác, cỏ, bèo, thực vật thủy sinh hoặc phụ phẩm phát sinh trong quá trình phát quang, dọn dẹp hành lang và duy tu tuyến kênh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Đặc biệt, tại các khu vực triển khai thi công gần khu dân cư, trường học, đền chùa và các công trình nhạy cảm phải tăng cường áp dụng các công nghệ thi công mới và các biện pháp giảm thiểu tối đa phát sinh bụi, tiếng ồn, độ rung.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tại 08 khu phụ trợ thi công: Mỗi khu bố trí 03 thùng rác loại 120 lít có nắp đậy, gồm 01 thùng chứa chất thải hữu cơ, 01 thùng chứa chất thải có khả năng tái chế và 01 thùng chứa chất thải sinh hoạt còn lại; tổng cộng 08 khu bố trí 24 thùng. Tại 22 xà lan: Mỗi xà lan bố trí 02 thùng rác chứa chất thải sinh hoạt loại 40 lít, có nắp đậy; tổng cộng 22 xà lan bố trí 44 thùng.

Chất thải thực phẩm được thu gom trong ngày; các loại CTRSH còn lại được thu gom thường xuyên, không để thùng chứa đầy, tràn hoặc phát sinh tồn lưu tại khu phụ trợ; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công, xây dựng: Đối với phế thải như sắt thép vụn, bao bì, gỗ, được thu gom vào 02 thùng chứa có dung tích 1,0 m³ cho mỗi mũi thi công; tổng cộng 28 thùng. Tại mỗi khu phụ trợ thi công quy hoạch 1 khu có diện tích khoảng 20 m², có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, có mái che và gờ bê tông xung quanh, hơn phân chia rõ thành các ô thu gom riêng biệt cho từng loại phế thải. Hợp đồng với các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu để định kỳ thu gom.

- Chất thải từ hoạt động đào đất, phá dỡ cấu kiện cũ được tận dụng tối đa để san lấp mặt bằng trong phạm vi Dự án; chất thải rắn là phế liệu được chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất đào không thể tái sử dụng, tận dụng được vận chuyển đến khu vực bãi đổ thải phù hợp với quy hoạch của chính quyền địa phương theo quy định; chất thải rắn từ thi công xây dựng được thu gom, tập kết, xử lý theo quy định của tỉnh.

b) Giai đoạn vận hành

Thu gom toàn bộ chất thải phát sinh từ duy tu, bảo dưỡng, phát quang và sửa chữa công trình; không để chất thải cản trở dòng chảy, giao thông hoặc rơi xuống kênh; chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn phát sinh trong các giai đoạn của Dự án đều được thu gom, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và các yêu cầu khác của địa phương theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tại 08 khu phụ trợ thi công: Mỗi khu bố trí 04 thùng có nắp kín gồm 01 thùng phuy dung tích 200 lít có nắp kín để chứa dầu động cơ, dầu hộp số và dầu bôi trơn thải; 02 thùng HDPE dung tích 120 lít có nắp kín để chứa giẻ lau, vật liệu thấm hút, gang tay, bao bì và các chất thải rắn nhiễm thành phần nguy hại sau khi được phân loại; 01 thùng HDPE dung tích 60 lít có nắp kín để chứa riêng pin, ắc quy, bóng đèn và chất thải điện, điện tử có thành phần nguy hại.

- Tại 22 sà lan: Bố trí 02 thiết bị lưu chứa CTNH trên mỗi xà lan, gồm 01 can/thùng dung tích 60 lít có nắp kín để chứa dầu thải và chất thải lỏng nhiễm dầu và 01 thùng dung tích 60 lít có nắp kín để chứa giẻ lau, vật liệu thấm hút và các chất thải rắn nhiễm dầu.

- CTNH sẽ được thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành, bảo trì các công trình về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định ngay sau khi có phát sinh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm ồn và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; đảm bảo tiếng ồn, độ rung xung quanh khu vực Dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

b) Giai đoạn vận hành

Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng; thực hiện các biện pháp thi công, thời gian thi công để giảm thiểu ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung đến các đối tượng xung quanh.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Bảo đảm tiếng ồn, độ rung khu vực xung quanh Dự án luôn ở mức độ cho phép của QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ

- Tổ chức thi công vào mùa khô; không thi công vào những ngày trời mưa, bão lũ. Khai thông dòng chảy trước và sau các trận mưa để hạn chế nước ứ đọng, ngập úng và tiềm ẩn các nguy cơ sạt trượt.

- Thi công cuốn chiếu theo từng phân đoạn, hạn chế tối đa thu hẹp mặt cắt dòng chảy và tập kết máy móc, vật liệu sát mép kênh.

- Theo dõi thường xuyên mực nước, dòng chảy, biến dạng và xói lở bờ kênh; tăng cường kiểm tra trước và sau mưa lớn, khi mực nước biến động mạnh và sau sự cố bất thường.

- Kiểm soát tải trọng máy móc gần mép kênh; thi công đúng thiết kế; bố trí vật tư, thiết bị và phương án gia cố tạm thời tại vị trí có nguy cơ mất ổn định.

- Không đổ đất, bùn, chất thải xuống kênh; hoàn nguyên khu vực thi công sau khi hoàn thành từng hạng mục.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

Nhà thầu lập và thực hiện kế hoạch an toàn lao động, phân công cán bộ phụ trách an toàn tại công trường; tổ chức huấn luyện, phổ biến nội quy và yêu cầu người lao động sử dụng đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp với từng công việc.

Xây dựng và ban hành các nội quy làm việc tại công trường: Nội quy ra vào công trường; nội quy về trang phục bảo hộ lao động; nội quy an toàn giao thông; nội quy an toàn cháy nổ...

Xây dựng phương án ứng phó tai nạn, bố trí tủ thuốc, thiết bị sơ cứu và phương tiện cứu hộ tại công trường; bảo đảm thông tin liên lạc và khả năng tiếp cận nhanh của lực lượng hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ:

Bố trí các biển báo nguy hiểm, nội quy phòng cháy, chữa cháy trên công trường và biển cấm tại khu vực lưu chứa nhiên liệu.

Xây dựng quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình bốc dỡ và vận chuyển nhiên liệu, dầu và hóa chất.

Bố trí người phụ trách công tác PCCC bán chuyên trách và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ theo quy định.

Trong quá trình bơm, hút nhiên liệu và hóa chất, thực hiện các biện pháp hạn chế rò rỉ và bố trí hệ thống thu gom phù hợp.

Thiết kế hệ thống chống sét đúng theo quy định hiện hành cho lán trại.

Bảo đảm an toàn nguồn cung cấp điện và thường xuyên kiểm tra an toàn về điện.

Bố trí đầy đủ các thiết bị chữa cháy. Định kỳ kiểm tra các thiết bị chữa cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình để bảo đảm khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.

Thành lập đội phòng cháy chữa, cháy và cứu hộ cơ động, trang bị đầy đủ các thiết bị sơ cứu. Thường xuyên tập huấn về công tác phòng cháy, chữa cháy và thoát nạn cho toàn bộ cán bộ, công nhân trên công trường.

Khi xảy ra cháy, nổ, phải nhanh chóng dừng hoạt động, cô lập nguồn điện và nhiên liệu, tổ chức chữa cháy tại chỗ, sơ tán người khỏi khu vực nguy hiểm và thông báo cho lực lượng chức năng khi vượt quá khả năng ứng phó của công trường.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, tràn dầu:

Nhiên liệu, dầu mỡ được lưu chứa tại khu vực riêng, có mái che, nền chống thấm, bờ bao hoặc biện pháp ngăn tràn phù hợp.

Mỗi xà lan bố trí 02 bộ phao vây dầu tự nổi, chiều dài 30 m/bộ, phục vụ khoanh vùng, hạn chế phát tán dầu khi xảy ra sự cố rò rỉ, tràn dầu; phao được triển khai tùy theo vị trí và quy mô sự cố, kết hợp với vật liệu thấm hút và thiết bị thu gom dầu.

Khi xảy ra sự cố, phải dừng ngay nguồn gây rò rỉ, cô lập khu vực và sử dụng phao quây để khoanh vùng dầu trên mặt nước, hạn chế dầu lan truyền theo dòng chảy; đồng thời sử dụng vật liệu thấm hút và thiết bị thu gom phù hợp để thu hồi dầu.

Thông báo cho đơn vị quản lý khai thác CTTL và chính quyền địa phương để cùng phối hợp thực hiện.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rơi vật liệu, thiết bị xuống kênh:

Trước khi thi công, kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xà lan, tàu kéo, cần cẩu, thiết bị nâng hạ và dây cáp; chỉ sử dụng thiết bị bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và tải trọng cho phép. Việc nâng, hạ vật liệu và thiết bị phải thực hiện theo đúng quy trình, không nâng quá tải.

Vật liệu, thiết bị phải được neo buộc chắc chắn, không tập kết vượt tải trọng cho phép của xà lan hoặc phương tiện thi công.

Không tập kết vật liệu, thiết bị sát mép kênh hoặc tại vị trí có nguy cơ trượt, lún xuống nước. Đối với vật liệu có khả năng gây ô nhiễm như dầu, nhiên liệu, hóa chất, phải lưu chứa kín và có biện pháp ngăn tràn.

Đối với vật liệu, thiết bị có nguy cơ cản trở dòng chảy hoặc gây mất an toàn, phải tổ chức trực vớt trong thời gian sớm nhất bằng thiết bị phù hợp; không tự ý sử dụng phương tiện, thiết bị không bảo đảm an toàn để trực vớt.

Trường hợp thiết bị rơi xuống kênh có chứa nhiên liệu, dầu mỡ hoặc hóa chất, phải đồng thời triển khai phao quây, vật liệu thấm hút và các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu; chất thải nhiễm dầu phát sinh phải được thu gom và quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố trượt lở đất, vỡ bờ kênh:

Thi công theo đúng hồ sơ thiết kế, biện pháp kỹ thuật và trình tự được phê duyệt; không tự ý thay đổi mái đào, phạm vi đào đắp hoặc trình tự thi công làm ảnh hưởng đến ổn định bờ kênh.

Không tập kết đất, vật liệu, máy móc và phương tiện sát mép mái kênh; bố trí tải trọng và khoảng cách phù hợp nhằm hạn chế gia tăng áp lực lên mái và bờ kênh.

Theo dõi thường xuyên tình trạng mái kênh, đặc biệt tại các vị trí đào, hạ cù và công trình cống tiêu.

Thường xuyên kiểm tra các vị trí dễ quai nếu thấy xảy ra hiện tượng bất thường phải có biện pháp kỹ thuật xử lý kịp thời hoặc nhanh chóng di dời công nhân và máy móc, thiết bị thi công ra khỏi khu vực nguy hiểm.

Hạn chế thi công các hạng mục có nguy cơ gây mất ổn định mái kênh trong thời gian mưa lớn, lũ hoặc khi mực nước biến động bất thường; chủ động điều chỉnh tiến độ và phương án thi công khi điều kiện không bảo đảm an toàn.

Khi xảy ra trượt lở hoặc vỡ bờ kênh, phải dừng ngay hoạt động tại khu vực sự cố, cảnh báo và khoanh vùng nguy hiểm, đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực có nguy cơ tiếp tục sạt trượt; đồng thời phối hợp với đơn vị quản lý công trình để kiểm tra và xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố phát hiện khảo cổ, di tích lịch sử:

Trước và trong quá trình thi công, nhà thầu phổ biến cho cán bộ, công nhân nhận biết các dấu hiệu có khả năng là hiện vật, di tích hoặc dấu tích khảo cổ; không tự ý thu gom, di chuyển, mua bán hoặc làm thay đổi hiện trạng các hiện vật phát hiện được.

Khi phát hiện hiện vật, dấu tích hoặc cấu trúc nghi có giá trị khảo cổ, phải dừng ngay hoạt động thi công tại vị trí phát hiện, khoanh vùng và bảo vệ hiện trường, không tự ý đào bới hoặc di chuyển hiện vật; đồng thời thông báo cho Chủ dự án và cơ quan có thẩm quyền về văn hóa theo quy định để được kiểm tra, hướng dẫn xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố lũ, ngập lụt:

Lập kế hoạch và tiến độ thi công cần xét đến thời kỳ mưa lớn từ tháng 5 đến tháng 10 để có biện pháp dự phòng và tiến độ phù hợp.

Xây dựng phương án ứng phó ngập lụt cho công trường.

Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết để có biện pháp chủ động ứng phó.

Khi xảy ra mưa lớn cần dừng các hoạt động thi công; che chắn các vị trí đồ vật liệu và vị trí đồ bê tông chưa kịp cố kết.

Khi xảy ra ngập lụt, phải dừng thi công tại khu vực nguy hiểm, di dời các máy móc, thiết bị và công nhân khỏi vị trí thi công có khả năng bị ngập đến vị trí an toàn.

Tại các vị trí thi công bị ngập nằm gần hoặc đi qua khu dân cư, bố trí người hướng dẫn giao thông hoặc lắp đặt biển báo, hàng rào bảo vệ phù hợp.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đứt cáp quang, đường ống cấp nước:

Trước khi thi công đào, đắp và hạ cừ, Chủ dự án và nhà thầu phối hợp với đơn vị quản lý hạ tầng rà soát, xác định chính xác vị trí, cao độ, phạm vi bảo vệ của các tuyến cáp quang, cáp thông tin và đường ống cấp nước trong khu vực thi công; đánh dấu rõ trên hiện trường để tránh tác động trực tiếp.

Tại các vị trí có công trình ngầm, áp dụng biện pháp đào phù hợp, hạn chế sử dụng thiết bị gây tác động mạnh và bố trí người giám sát trong quá trình thi công. Không tự ý di chuyển, cắt hoặc thay đổi vị trí công trình hạ tầng khi chưa được đơn vị quản lý chấp thuận.

Khi xảy ra đứt cáp quang hoặc đường ống cấp nước, phải dừng ngay hoạt động thi công tại vị trí sự cố, bảo vệ hiện trường và thông báo cho đơn vị quản lý công trình để tổ chức xử lý. Đối với đường ống cấp nước, đồng thời kiểm soát dòng nước, thoát nước và phạm vi ngập để hạn chế ảnh hưởng đến người dân và công trình.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố vi phạm khoảng cách an toàn điện:

Rà soát, xác định chính xác vị trí, cấp điện áp, cao độ dây dẫn, khoảng cách từ dây dẫn đến mặt đất và phạm vi hành lang bảo vệ an toàn của toàn bộ các tuyến đường dây điện giao cắt hoặc nằm gần khu vực thi công trước khi triển khai thi công.

Đánh dấu rõ trên mặt bằng thi công các vị trí có đường dây điện; cấm biển cảnh báo và thiết lập phạm vi kiểm soát tại các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn điện.

Không bố trí cần cầu, máy đóng cọc, máy khoan, thiết bị nâng hạ và các thiết bị có chiều cao lớn hoạt động trong phạm vi ảnh hưởng của đường dây nếu chưa xác định đầy đủ khoảng cách an toàn và chưa có phương án thi công được thống nhất với đơn vị quản lý vận hành lưới điện

Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành lưới điện để xác định biện pháp bảo đảm an toàn trước khi thi công tại các vị trí có khả năng ảnh hưởng đến vận hành bình thường của đường dây hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn điện.

Tổ chức huấn luyện, phổ biến quy định an toàn điện cho cán bộ kỹ thuật, người điều khiển cần cầu, máy đóng cọc, máy khoan và công nhân làm việc tại các khu vực có đường dây điện.

Khi phát hiện thiết bị, vật nâng hoặc cọc có nguy cơ tiến gần quá mức đến dây dẫn, phải dừng ngay hoạt động thi công, đưa thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm và chỉ tiếp tục thi công sau khi xác định lại điều kiện an toàn.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố do bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại:

Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình, Chủ dự án tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật liệu nổ trong phạm vi dự án theo quy định hiện hành. Công tác rà phá phải được thực hiện bởi đơn vị có đủ năng lực, chức năng theo quy định

Phạm vi, chiều sâu và phương pháp rà phá được xác định trên cơ sở hồ sơ khảo sát, thiết kế và yêu cầu kỹ thuật của dự án. Chỉ triển khai thi công sau khi hoàn thành công tác rà phá, thu gom, xử lý và bàn giao mặt bằng theo quy định.

Trong quá trình thi công, nếu phát hiện dấu hiệu hoặc vật thể nghi là bom mìn, vật liệu nổ, phải dừng ngay hoạt động thi công tại khu vực, khoanh vùng, cảnh báo và thông báo cho đơn vị có chức năng để kiểm tra, xử lý; tuyệt đối không tự ý di chuyển, đào bới hoặc tác động vào vật thể nghi là bom mìn, vật liệu nổ.

b) Giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố sạt lở, hư hỏng kè:

Đơn vị quản lý, khai thác CTTL thực hiện chế độ kiểm tra, quan trắc định kỳ và đột xuất trước và sau các đợt mưa lớn, lũ hoặc các hiện tượng thời tiết cực đoan nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường như nứt mái kè, lún sụt, xói chân kè, hở mạch kết cấu, sụt lún nền hoặc biến dạng công trình. Đối với các vị trí có nguy cơ mất ổn định sẽ tổ chức khoanh vùng, cấm biển cảnh báo và triển khai các biện pháp gia cố, sửa chữa ngay khi phát hiện để tránh sự cố lan rộng.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố tràn, vỡ bờ kênh do lũ:

Đơn vị quản lý, khai thác CTTL thực hiện vận hành hệ thống theo đúng quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thường xuyên theo dõi mực nước, lưu lượng, dự báo khí tượng thủy văn và tình trạng bờ kênh để chủ động điều tiết nước khi có nguy cơ lũ lớn.

Khi dự báo mưa lũ lớn hoặc mực nước có nguy cơ vượt mức an toàn, chủ động điều tiết nước theo quy trình, kiểm soát mực nước và triển khai phương án bảo vệ các vị trí xung yếu; đồng thời thông báo, phối hợp với chính quyền địa phương và người dân tại khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng.

Khi xảy ra tràn hoặc vỡ bờ, phải tổ chức cảnh báo, khoanh vùng khu vực nguy hiểm, hạn chế người và phương tiện tiếp cận; đồng thời thực hiện các biện pháp khẩn cấp để giảm dòng chảy qua vị trí sự cố, bảo vệ bờ và hạn chế phạm vi ngập.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố ô nhiễm nguồn nước:

Đơn vị quản lý, khai thác CTTL thường xuyên theo dõi chất lượng nước và các dấu hiệu bất thường trên tuyến kênh; tăng cường kiểm tra tại các vị trí có nguy cơ tiếp nhận nguồn nước thải, đặc biệt khi phát hiện hiện tượng nước đổi màu, có mùi bất thường, cá chết hoặc xuất hiện váng dầu.

Khi phát hiện nguồn nước có dấu hiệu ô nhiễm, đơn vị quản lý, khai thác CTTL phải xác định nhanh vị trí và nguồn gây ô nhiễm, khoanh vùng phạm vi ảnh hưởng; đồng thời phối hợp địa phương và cơ quan có thẩm quyền xử lý.

4.4.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi sông, hồ

- Không thi công trong thời gian có mưa lũ; cấm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở. Thường xuyên theo dõi, giám sát các hiện tượng biến dạng dịch chuyển và sụt lún bờ kênh. Khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để phối hợp ứng phó sự cố môi trường.

- Thi công các hạng mục theo thiết kế được duyệt; bố trí các công trình phòng hộ, biện pháp phòng chống xói lở phù hợp với từng vị trí có nguy cơ; kiểm tra công trình trước, trong và sau mùa mưa bão để có biện pháp khắc phục phù hợp.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác

a) Biện pháp giảm thiểu tác động do chiếm dụng đất

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề được đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Đất đào dư thừa phát sinh được vận chuyển về các vị trí đổ thải theo sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Đất đào dư thừa phát sinh với khối lượng khoảng 38.481 m³ được vận chuyển về 34 vị trí bãi thải được chấp thuận của địa phương. Chủ dự án có trách nhiệm kiểm kê khối lượng đất đào tập kết tại bãi lưu giữ và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định. Địa điểm đổ thải phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của khu vực; phương án đổ thải (thiết kế bãi thải, thiết kế bờ bao, biện pháp phòng chống sạt lở) và các giải pháp giảm thiểu bụi phải được cơ quan quản lý bãi thải thống nhất trước khi triển khai thực hiện.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

- Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn trong giai đoạn thi công xây dựng.

- Thi công hệ thống rãnh thu, hố lắng để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông

dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ; bùn đất tại rãnh thoát nước được thu gom cùng đất thải của Dự án.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn trong giai đoạn vận hành: Vệ sinh, quản lý hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang của Dự án theo tiêu chuẩn thiết kế bảo đảm tiêu thoát nước mưa chảy tràn trên tuyến.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái trên cạn và dưới nước

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống tại những vị trí sát khu đất canh tác nông nghiệp, khu nuôi trồng thủy sản; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng, bảo đảm không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây trồng ngoài phạm vi thi công của Dự án.

- Nghiêm cấm không đốt lửa, xả rác, chặt phá cây cối, thảm thực vật ngoài phạm vi đã giải phóng mặt bằng.

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công, vận hành Dự án.

d) Biện pháp giảm thiểu tác động tới chất lượng nước kênh Kim Sơn

Tổ chức thi công cuốn chiếu theo từng đoạn, hạn chế phạm vi thi công đồng thời trên lòng và bờ kênh. Đất đào, cát, vật liệu xây dựng và dầu mỡ không tập kết sát mép nước; khu vực tập kết phải ổn định, có che chắn và thoát nước phù hợp.

Thu gom, xử lý các loại nước thải, rác thải phát sinh trong quá trình thi công theo đúng quy định.

Bảo đảm thi công đúng thiết kế kỹ thuật để hạn chế tăng độ đục trong quá trình thi công.

Giám sát môi trường nước mặt trong giai đoạn thi công để có các biện pháp xử lý kịp thời.

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Bắc Hưng Hải để xây dựng lịch thi công phù hợp để không ảnh hưởng đến cấp nước về hạ du.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường (theo đề xuất của Chủ dự án)

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý

theo quy định.

b) Giám sát nước thải và công trình xử lý nước thải

Thực hiện thu gom, lưu trữ và định kỳ chuyển giao nước thải, bùn lắng cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Giám sát tình trạng hoạt động của các công trình xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải.

c) Giám sát chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 14 vị trí gần khu dân cư (tại mỗi công trường thi công sẽ giám sát ít nhất 01 vị trí gần các khu vực dân cư). Các vị trí giám sát sẽ được điều chỉnh phù hợp với tiến độ thi công của Dự án.

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công, xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

d) Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 14 vị trí tại các khu vực thi công cừ bê tông.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, DO, Tổng Phosphor, Tổng Nitơ, Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công, xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt (Bảng 2, mức B).

5.2.2. Giai đoạn vận hành

Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Hưng Hải là đơn vị quản lý vận hành phải tuân thủ các biện pháp giảm thiểu môi trường hàng năm và giám sát theo đúng các yêu cầu về công tác quản lý khai thác CTTL và yêu cầu bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện các hạng mục thi công của Dự án sau khi cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Không để máy móc, thiết bị hoạt động ngoài phạm vi được phép; bảo vệ các công trình tâm linh, di tích lịch sử - văn hóa lân cận; kiểm soát chặt chẽ độ đục/TSS, khi phát hiện vùng nước đục kéo dài phải giảm cường độ thi công hoặc phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Bắc Hưng Hải để vận hành hệ thống công trình nhằm điều tiết dòng chảy phù hợp.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực

bởi Dự án; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Chỉ được thực hiện di dời, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật khi được chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế, kết cấu và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn các tỉnh Hưng Yên và thành phố Hà Nội.

- Chỉ được phép đổ đất đào dư thừa vào các vị trí được cơ quan chức năng có thẩm quyền chấp thuận và bảo đảm việc đổ đất đào dư thừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các bãi chứa đáp ứng khối lượng đất đào dư thừa của Dự án và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, tập kết. Sau khi hoàn thành quá trình tập kết đất đào dư thừa, kiểm kê khối lượng tại mỗi bãi chứa, bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành đối với khối lượng đất đào dư thừa vận chuyển ra khỏi phạm vi Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố cháy, nổ, tai nạn lao động cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác (nếu có) trong giai đoạn thi công Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện biện pháp thi công để không ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ hiện có; tổ chức giao thông tại các khu vực nút giao với

đường hiện có đảm bảo an toàn, phù hợp với đặc thù của từng vị trí thi công.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh Hưng Yên và thành phố Hà Nội trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện cập nhật, bổ sung đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.